

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CỤC THỦY SẢN

CÂU HỎI THƯỜNG GẶP
KHI ÁP DỤNG QUY PHẠM THỰC HÀNH
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TỐT (VietGAP)

Cơ quan chủ trì biên soạn
VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN – TỔNG CỤC THỦY SẢN
số 10 Nguyễn Công Hoan, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: 043 724 5372 - Fax: 043 724 5120
Email: ntts@mard.gov.vn
Website: <http://tongcucthuysan.gov.vn>

HÀ NỘI, 2014



LỜI CẢM ƠN

Trân trọng giới thiệu với bạn đọc cuốn “Câu hỏi thường gặp khi áp dụng Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP)” do Tổng cục Thủy sản biên soạn và ban hành. VietGAP trong nuôi trồng thủy sản được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành lần đầu năm 2011, sửa đổi năm 2014 nhằm giúp cơ sở nuôi tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế dịch bệnh, nâng cao hiệu quả sản xuất, giá trị sản phẩm và hướng tới phát triển bền vững. Sau 03 năm triển khai thực hiện, VietGAP đang được cơ sở nuôi tích cực đón nhận mở rộng áp dụng vì lợi ích của người nuôi trồng thủy sản và cộng đồng.

Sổ tay đưa ra câu trả lời cho 78 câu hỏi thường gặp về những vấn đề được tổng hợp từ thực tiễn trong quá trình áp dụng quy phạm VietGAP. Hy vọng đây sẽ là công cụ hữu ích để nâng cao hiểu biết cho người nuôi thủy sản cũng như cán bộ quản lý, kỹ thuật chuyên ngành thủy sản nhằm ứng dụng các nguyên lý, yêu cầu cần tuân thủ trong nuôi trồng thủy sản tốt tại cơ sở/địa phương để tạo sản phẩm có chất lượng đáp ứng nhu cầu của thị trường tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

Tổng cục Thủy sản mong muốn bạn đọc tiếp tục góp ý để tài liệu ngày càng hoàn thiện, phục vụ thiết thực cho ngành nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam, hướng tới sự phát triển bền vững./.

Hà Nội, tháng 9 năm 2014

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng cục trưởng Tổng cục thủy sản

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	2
PHẦN I. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ VietGAP	5
PHẦN II. CHỨNG NHẬN VietGAP	13
PHẦN III. YÊU CẦU CHUNG	25
PHẦN IV. NỘI DUNG AN TOÀN THỰC PHẨM	31
PHẦN V. NỘI DUNG QUẢN LÝ SỨC KHỎE THỦY SẢN NUÔI	39
PHẦN VI. NỘI DUNG VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	47
CHƯƠNG VII. NỘI DUNG VỀ KINH TẾ XÃ HỘI	61

PHẦN I.

KHÁI NIỆM CHUNG VỀ VietGAP



Câu hỏi 1: VietGAP trong nuôi trồng thủy sản là gì?

Trả lời: VietGAP là viết tắt của cụm từ tiếng Anh “Vietnamese Good Aquaculture Practices” dịch sang tiếng Việt là “Thực hành nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam”. VietGAP là Quy phạm thực hành áp dụng trong nuôi trồng thủy sản nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm, giảm thiểu dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường sinh thái, đảm bảo trách nhiệm xã hội, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và góp phần thúc đẩy nuôi trồng thủy sản hướng tới sự phát triển bền vững.

VietGAP trong nuôi trồng thủy sản được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành lần đầu năm 2011 theo Quyết định số 1503/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/7/2011 và được sửa đổi, thay thế bằng Quyết định số 3824/QĐ-BNN-TCTS ngày 06/9/2014 ban hành về Quy phạm nuôi trồng thủy sản tốt VietGAP (gọi tắt là Quyết định số 3824/QĐ-BNN-TCTS).

Câu hỏi 2: Phát triển bền vững là gì?

Trả lời: Theo định nghĩa của Ủy ban Môi trường và Phát triển của Liên hiệp quốc: “*Phát triển bền vững là sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai*”.

Phát triển bền vững phải bảo đảm sự phát triển kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, gìn giữ nên “*Phát triển bền vững còn được hiểu là sự phát triển hài hòa giữa ba lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường*”.

Câu hỏi 3: Áp dụng VietGAP có lợi ích gì?

Trả lời: Áp dụng VietGAP mang lại lợi ích cho tất cả các bên tham gia vào chuỗi giá trị nuôi trồng thủy sản, cụ thể như sau:

1. Đối với cơ sở nuôi:

- Giảm chi phí sản xuất do kiểm soát tốt vật tư đầu vào (sử dụng con giống, thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường đảm bảo chất lượng, theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cán bộ chuyên môn, đúng mục đích và giảm thiểu nhầm lẫn, lãng phí), giảm rủi ro về bệnh dịch, quản lý tốt chất thải để bảo vệ môi trường;

- Sản phẩm có chất lượng ổn định, đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm, xây dựng được thương hiệu, tăng sức cạnh tranh, truy xuất được nguồn gốc, dễ tiếp cận với thị trường trong và ngoài nước;

- Tạo dựng được mối quan hệ tốt với người lao động và cộng đồng xung quanh.

2. Đối với người lao động:

- Được đảm bảo quyền lợi hợp pháp theo quy định của Luật lao động, được đối xử bình đẳng và làm việc trong môi trường an toàn, bảo đảm vệ sinh;

- Được nâng cao kỹ năng lao động thông qua các lớp tập huấn kỹ thuật về VietGAP và áp dụng/ thực hiện các bước thực hành VietGAP vào điều kiện nuôi thực tế tại cơ sở cũng như ghi chép hồ sơ.

3. Đối với người tiêu dùng và xã hội:

- Có thể truy xuất được nguồn gốc sản phẩm và yêu cầu người sản xuất chịu trách nhiệm về sản phẩm đã sản xuất;

- Có thêm sự lựa chọn về sản phẩm an toàn và chất lượng tốt, từ đó giảm chi phí chăm sóc sức khỏe/y tế cho xã hội;

- Góp phần bảo vệ môi trường, ổn định trật tự xã hội và phát triển bền vững.

4. Đối với cơ sở chế biến thủy sản:

- Có nguồn nguyên liệu đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm nên sản phẩm đầu ra được thị trường chấp nhận dễ dàng hơn;

- Giảm chi phí và thời gian cho việc kiểm tra mẫu thủy sản đầu vào;

- Giảm nguy cơ sản phẩm bị cấm nhập khẩu hoặc bị nước nhập khẩu kiểm tra 100% lô hàng bị phát hiện không đảm bảo an toàn thực phẩm.

Câu hỏi 4: Có thể áp dụng VietGAP cho những đối tượng và phương thức nuôi trồng thủy sản nào?

Trả lời: VietGAP có thể áp dụng cho tất cả đối tượng và phương thức nuôi trồng thủy sản từ khi chuẩn bị, thả giống đến thu hoạch sản phẩm (trừ cá cảnh).

Câu hỏi 5: Cơ sở nuôi có phải áp dụng toàn bộ nội dung kiểm soát của VietGAP không?

Trả lời: Phụ thuộc vào đối tượng nuôi, phương thức, công nghệ, cơ sở nuôi có thể không bắt buộc áp dụng một số yêu cầu cần tuân thủ của Quy phạm VietGAP.

Ví dụ: cơ sở nuôi vẹm xanh, tu hài thương phẩm không sử dụng thức ăn, thuốc, chất xử lý và cải tạo môi trường thì sẽ không phải áp dụng các điều khoản liên quan đến các yếu tố này. Khi đánh giá chứng nhận, chuyên gia đánh giá sẽ quyết định không đánh giá các yêu cầu cần tuân thủ liên quan đến các yếu tố đó.

Câu hỏi 6: VietGAP có bắt buộc áp dụng không?

Trả lời: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khuyến khích các cơ sở nuôi áp dụng VietGAP cho tất cả đối tượng thủy sản nuôi.

VietGAP chỉ trở thành bắt buộc khi được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật. Ví dụ: Đối với cá tra, đến ngày 31/12/2015, tất cả cơ sở nuôi phải áp dụng và được chứng nhận VietGAP hoặc có chứng chỉ quốc tế phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam (theo Điều 4, Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014).

Câu hỏi 7: Sản phẩm được chứng nhận VietGAP có giá bán cao hơn sản phẩm không chứng nhận VietGAP không?

Trả lời: Giá bán của sản phẩm do thị trường (người tiêu dùng) quyết định. Thực tế cho thấy, người tiêu dùng sẵn sàng mua những sản phẩm an toàn cho sức khỏe của họ. Áp dụng VietGAP giúp người nuôi tạo sản phẩm đáp ứng mong muốn của người tiêu dùng. Chứng nhận VietGAP là bằng chứng cho sự cam kết của nhà sản xuất trong việc cung cấp sản phẩm an toàn, vì thế nó là cơ sở để người tiêu dùng tin tưởng và sẵn sàng trả giá tương xứng với chất lượng sản phẩm đã được chứng nhận.

Mặc dù giá bán hiện nay có thể chưa cao hơn sản phẩm không áp dụng VietGAP nhưng cơ sở nuôi áp dụng Quy phạm sẽ quản lý tốt hơn, ít rủi ro hơn, sử dụng hiệu quả thức ăn, tăng tỷ lệ sống và kích cỡ thu hoạch... từ đó giảm chi phí đầu vào, người nuôi sẽ thu được lợi nhuận cao hơn.

Câu hỏi 8: Nhà nước có chính sách gì để hỗ trợ việc áp dụng VietGAP?

Trả lời: Để khuyến khích việc áp dụng VietGAP trong nuôi trồng thủy sản, Nhà nước hỗ trợ:

- 50% kinh phí xây dựng, cải tạo các vùng sản xuất tập trung theo VietGAP;
- Chi phí đào tạo tập huấn;
- Chi phí chứng nhận 01 lần;

- Chi phí hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại (hội chợ, hội thi, gian hàng giới thiệu sản phẩm.....).

Theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg; Thông tư 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2012 về Ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9/01/2012).

Câu hỏi 9: Cơ sở nuôi mới xây dựng hoặc cơ sở đang nuôi có được hỗ trợ khi áp dụng VietGAP không?

Trả lời: Cơ sở nuôi mới xây dựng hoặc cơ sở đang nuôi có thể liên hệ với cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản địa phương (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục NTTS/Thủy sản, Trung tâm Khuyến nông....) để được hướng dẫn và đề nghị:

- Hỗ trợ chi phí đào tạo (đối với khóa đào tạo do cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản/Trung tâm Khuyến nông tổ chức bằng nguồn ngân sách Nhà nước);

- Hỗ trợ một lần kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP.

Lưu ý: Cơ sở nuôi chỉ được hỗ trợ một lần.



PHẦN II. CHỨNG NHẬN VietGAP



Câu hỏi 10: Tổ chức nào cấp giấy chứng nhận VietGAP trong nuôi trồng thủy sản?

Trả lời: Các tổ chức chứng nhận được Tổng cục Thủy sản đánh giá và chỉ định là tổ chức cấp Giấy chứng nhận VietGAP.

- Cơ sở nuôi có thể truy cập trang web <http://vietgap.tongcucthuysan.gov.vn/> hoặc liên hệ với Vụ Nuôi trồng thủy sản – Tổng cục Thủy sản (043.72 45 372 hoặc email “ntts@mard.gov.vn”) hoặc Chi cục quản lý NTTS/Thủy sản tỉnh để cập nhật thông tin về những Tổ chức chứng nhận được phép cấp Giấy chứng nhận VietGAP trong nuôi trồng thủy sản.

- Trong trường hợp cơ sở nuôi hoặc cán bộ cơ sở phát hiện những tổ chức không được phép cấp giấy chứng nhận VietGAP mà đang hoạt động thì kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý thủy sản để kịp thời kiểm tra theo thông tin ở trên.

Câu hỏi 11: Làm thế nào để tôi biết được mã số chứng nhận VietGAP của tôi do Tổ chức chứng nhận A cấp là hợp pháp?

Trả lời: Theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 17 Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, từ ngày 01/01/2013 việc cấp mã số chứng nhận VietGAP trong nuôi trồng thủy sản được thực hiện tự động qua Website của Tổng cục Thủy sản tại địa chỉ: vietgap.tongcucthuysan.gov.vn. Để biết được mã số chứng

nhận VietGAP do Tổ chức chứng nhận A cấp là hợp pháp, cơ sở nuôi làm như sau:

Bước 1: Truy cập vào website: vietgap.tongcucthuysan.gov.vn

Bước 2: Nhập mã số chứng nhận đã được cấp vào ô: **MÃ SỐ VietGAP**

Bước 3: ấn vào từ “tìm kiếm”, tại đó phần mềm sẽ hiển thị ra các thông tin về cơ sở nuôi, bao gồm: chủ cơ sở nuôi, địa chỉ, mã số đã được cấp. Cơ sở nuôi đối chiếu với các thông tin trên giấy chứng nhận đã được cấp.

Nếu sau khi nhập mã số chứng nhận VietGAP mà phần mềm không hiển thị các thông tin nêu trên thì giấy chứng nhận đã được cấp là không hợp pháp. Khi phát hiện sự việc trên, cơ sở nuôi có thể liên hệ với Vụ Nuôi trồng thủy sản - Tổng cục Thủy sản (số điện thoại 043 724 5372) hoặc liên hệ với cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tại địa phương để được hỗ trợ xử lý.

The screenshot shows the VietGAP website interface. At the top, there is a navigation menu with links: Trang chủ, Tin tức, Tài liệu, Dịch vụ, Sản phẩm, and Giới thiệu. The main content area features a table titled "Danh sách cơ sở nuôi trồng" (List of aquaculture establishments). The table has columns for STT (No.), Cơ sở nuôi trồng (Establishment), Chủ sở hữu (Owner), Địa chỉ (Address), Mã số VietGAP (VietGAP Code), and Trạng thái (Status). One entry is visible: STT 1, Nguyễn Hữu Trì, Nguyễn Hữu Trì, Châu Thành, Đồng Tháp, VietGAP-TS-2013-01-87-0001, and Trạng thái Hoạt động. Below the table is a search box labeled "Mã số VietGAP" with the value "VietGAP-TS-2013-01-87-0001" entered. A blue arrow points from a text box to this search box. The text box contains the text "Nơi nhập mã số VietGAP đã được cấp" (Place to enter the VietGAP code that has been issued). The website footer includes copyright information and contact details for the National Center for Aquaculture.

STT	Cơ sở nuôi trồng	Chủ sở hữu	Địa chỉ	Mã số VietGAP	Trạng thái
1	Nguyễn Hữu Trì	Nguyễn Hữu Trì	Châu Thành, Đồng Tháp	VietGAP-TS-2013-01-87-0001	Hoạt động

Câu hỏi 12: Tổ chức chứng nhận VietGAP có được làm tư vấn về VietGAP không?

Trả lời: Tổ chức chứng nhận có thể là tổ chức tư vấn nhưng không được chứng nhận cho cơ sở nuôi mà tổ chức đó đã tư vấn và ngược lại (theo quy định tại khoản đ, Điều 22 Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012).

Quy định này nhằm đảm bảo tính độc lập, minh bạch trong quá trình chứng nhận sản phẩm đạt yêu cầu đề ra.

Câu hỏi 13: Chứng nhận VietGAP trong nuôi trồng thủy sản là chứng nhận sản phẩm hay chứng nhận hệ thống chất lượng?

Trả lời: Chứng nhận VietGAP là chứng nhận cho các **sản phẩm** thủy sản được sản xuất phù hợp với Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam.

Thông tin trên Giấy chứng nhận VietGAP cấp cho cơ sở nuôi ghi rõ: Tên và địa chỉ nơi nuôi cụ thể, tên sản phẩm, mã số chứng nhận VietGAP, diện tích, sản lượng được cấp chứng nhận.

Câu hỏi 14: VietGAP trong nuôi trồng thủy sản khác gì so với các tiêu chuẩn thực hành nuôi trồng thủy sản tốt khác không?

Trả lời: Hiện nay, có một số tiêu chuẩn thực hành nuôi trồng thủy sản tốt khác có nội dung tương tự VietGAP như Global GAP, ASC, BAP...

- Các tiêu chuẩn này đều được xây dựng dựa trên những nguyên tắc do FAO hướng dẫn và quy định về an toàn thực phẩm, an toàn bệnh dịch, bảo vệ môi trường và

thực hiện trách nhiệm xã hội trong nuôi trồng thủy sản ở các mức độ khác nhau.

- VietGAP là Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành phù hợp với điều kiện nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam, khuyến khích áp dụng trên toàn quốc nhằm hướng tới sự phát triển bền vững, đảm bảo an toàn thực phẩm cho tiêu dùng nội địa và xuất khẩu..

- Global GAP, ASC, BAP... là tiêu chuẩn do các tổ chức phi chính phủ hoặc Hội/Hiệp hội/các nhà bán lẻ/ các nhà nhập khẩu nước ngoài ban hành và có thể xuất phát từ nhu cầu thị trường hoặc tôn chỉ hoạt động của tổ chức công bố.

Câu hỏi 15: Đánh giá nội bộ là gì? Ai thực hiện và tại sao phải đánh giá nội bộ?

Trả lời: Đánh giá nội bộ là hoạt động tự đánh giá được tiến hành bởi chính cơ sở nuôi nhằm:

- Giám sát sự phát triển và quá trình thực hiện theo VietGAP.

- Phát hiện những điểm không phù hợp với Quy phạm VietGAP và đưa ra các hành động khắc phục để chuẩn bị cho các cuộc đánh giá chứng nhận của Tổ chức chứng nhận.

- Giám sát việc duy trì và hiệu quả hoạt động sau khi chứng nhận VietGAP và thực hiện thành công.

- Lưu ý và giải quyết các vấn đề về chất lượng.

Đánh giá nội bộ do cơ sở nuôi tự thực hiện nếu có đủ khả năng về chuyên môn, nhân lực... hoặc thuê tư vấn nếu chưa nắm rõ các yêu cầu cụ thể trong đánh giá chứng nhận.

Câu hỏi 16: Các loại chi phí mà người đăng ký chứng nhận VietGAP phải trả là gì?

Trả lời: Chi phí đánh giá, cấp chứng nhận VietGAP mà cơ sở nuôi phải trả, bao gồm:

- Chi phí cho chuyên gia đánh giá: chi phí này phụ thuộc vào ngày công đánh giá lần đầu, đánh giá khắc phục (nếu có), đánh giá giám sát trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận, chi phí đi lại (nếu có); Ngày công đánh giá của chuyên gia được xác định dựa trên quy mô về diện tích, sản lượng của cơ sở nuôi và năng lực của chuyên gia đánh giá, uy tín của Tổ chức chứng nhận.

- Chi phí hành chính: Phí thẩm định hồ sơ để cấp Giấy chứng nhận VietGAP, phí in và gửi giấy chứng nhận...

- Chi phí đánh giá, chứng nhận VietGAP do cơ sở nuôi thỏa thuận với Tổ chức chứng nhận dựa trên biểu phí, cách tính phí do Tổ chức chứng nhận xây dựng và công bố công khai. Do đó, chi phí đánh giá, chứng nhận VietGAP là khác nhau đối với mỗi cơ sở.

- Biểu phí, cách tính phí của Tổ chức chứng nhận đã được Tổng cục Thủy sản kiểm tra trong quá trình đánh giá, chỉ định Tổ chức chứng nhận.

Câu hỏi 17: Giấy chứng nhận VietGAP sẽ như thế nào nếu cơ sở nuôi đăng ký chứng nhận VietGAP cho 01 loại sản phẩm nhưng được nuôi tại nhiều tỉnh khác nhau?

Trả lời: Nếu cơ sở nuôi 01 sản phẩm tại nhiều tỉnh khác nhau, cơ sở nuôi sẽ được cấp giấy chứng nhận VietGAP cho sản phẩm ở những tỉnh mà cơ sở đó đăng ký và đạt sau khi đánh giá. Mỗi giấy chứng nhận có 01 mã số giấy chứng nhận VietGAP tương ứng với mã số tỉnh/địa phương đó.

Câu hỏi 18: Một cơ sở nuôi 03 loài gồm cá tra, cá rô phi và tôm chân trắng, nhưng chỉ muốn đăng ký áp dụng VietGAP cho sản phẩm cá tra và tôm chân trắng thì có được không và cần phải làm như thế nào?

Trả lời: Được. Chứng nhận VietGAP cấp cho sản phẩm cụ thể nên khi đăng ký chứng nhận, chỉ cần đăng ký đối tượng nuôi cụ thể theo mẫu đơn của Tổ chức chứng nhận.

- Tổ chức chứng nhận sẽ tiến hành đánh giá chứng nhận theo quy định và cấp Giấy chứng nhận nếu cơ sở nuôi đạt các yêu cầu. Giấy chứng nhận VietGAP sẽ ghi rõ đối tượng nuôi được chứng nhận là sản phẩm gì, nuôi ở đâu, sản lượng dự kiến là bao nhiêu.

Câu hỏi 19: Doanh nghiệp A có 03 trang trại nuôi cá Tra ở 03 địa điểm khác nhau trong cùng 01 tỉnh nhưng chỉ muốn đăng ký áp dụng VietGAP cho 01 trang trại. Khi đăng ký áp dụng VietGAP, doanh nghiệp A phải làm gì?

Trả lời: Chứng nhận VietGAP cấp cho sản phẩm nuôi cụ thể (cá tra, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh, ngao, cá rô phi, cá lóc...) nên khi đăng ký, cơ sở nuôi phải khai báo chi tiết toàn bộ các trang trại nuôi thuộc sở hữu (bao gồm trang trại xin cấp chứng nhận và trang trại không xin cấp chứng nhận VietGAP). Tổ chức chứng nhận lưu giữ thông tin này trong cơ sở dữ liệu nhằm thực hiện truy xuất nguồn gốc khi cần thiết. Căn cứ vào thông tin khai báo, tổ chức chứng nhận sẽ kiểm tra, cấp mã số phụ cho các địa điểm chưa được cấp chứng nhận để quản lý.

Câu hỏi 20: Cơ sở nuôi phải làm gì khi chỉ muốn đăng ký chứng nhận VietGAP cho 7 ao nuôi tôm sú trong 1 trang trại có 7 ao nuôi tôm sú và 2 ao nuôi cá vược (cá chẽm)?

Trả lời: Trong cùng 1 trang trại nhưng nuôi hai đối tượng khác nhau (cá vược- tôm sú) nên khả năng nhầm lẫn trong ghi chép hồ sơ và gian lận sản phẩm thu hoạch từ vùng nuôi được chứng nhận VietGAP với sản phẩm nuôi chưa được chứng nhận trong cùng cơ sở là không thể xảy ra. Do vậy, cơ sở nuôi khi đăng ký chứng nhận VietGAP với Tổ chức chứng nhận, cần ghi rõ thông tin về đối tượng nuôi và số lượng ao nuôi đăng ký chứng nhận VietGAP.

Câu hỏi 21: Cơ sở tiến hành nuôi 7 ao tôm chân trắng trên cùng 1 địa điểm nhưng chỉ đăng ký chứng nhận VietGAP cho 3 ao có được không? Vì sao?

Trả lời: Trường hợp chỉ muốn đăng ký chứng nhận VietGAP cho 3 trong số 7 ao nuôi tôm chân trắng thì cơ quan quản lý và tổ chức chứng nhận VietGAP nên đề nghị cơ sở nuôi đăng ký chứng nhận cho cả 7 ao nuôi. Lý do: Khó có thể phân biệt sản phẩm đăng ký chứng nhận VietGAP với sản phẩm không chứng nhận VietGAP cho cùng 1 đối tượng nuôi trong cùng 1 địa điểm nuôi. Khả năng di chuyển sản phẩm giữa ao đăng ký chứng nhận với ao không đăng ký chứng nhận là rất lớn khiến cho việc đánh giá chứng nhận, giám sát không chính xác. Hơn nữa, chi phí đánh giá chứng nhận cho 3 ao/cùng 1 địa điểm không thấp hơn so với đánh giá cả 7 ao/cùng địa điểm. Do đó, cơ quan quản lý, đơn vị tư vấn và Tổ chức chứng nhận khuyến cáo cơ sở nuôi nên đăng ký chứng nhận cho cả 7 ao nuôi.

Câu hỏi 22: Để cấp và duy trì chứng nhận VietGAP, tổ chức chứng nhận phải thực hiện những gì?

Trả lời: Để cấp và duy trì chứng nhận VietGAP, tổ chức chứng nhận phải thực hiện như sau:

a. Đánh giá lần đầu: Được thực hiện sau khi cơ sở nuôi ký hợp đồng chứng nhận VietGAP.

b. Đánh giá hành động khắc phục: Thực hiện sau khi cơ sở nuôi được đánh giá nhưng chưa đủ điều kiện được cấp hoặc duy trì, mở rộng giấy chứng nhận VietGAP.

c. Đánh giá lại: Được thực hiện khi cơ sở nuôi yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận VietGAP đã hết hiệu lực.

d. Đánh giá giám sát: Được thực hiện sau khi cơ sở nuôi được cấp chứng nhận VietGAP. Đánh giá giám sát có thể được thực hiện định kỳ (báo trước) hoặc đột xuất (không báo trước); số lần đánh giá giám sát do tổ chức chứng nhận quyết định tùy trường hợp cụ thể nhằm đảm bảo việc duy trì VietGAP của cơ sở nuôi.

e. Đánh giá đột xuất được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Khi có khiếu nại về việc cơ sở nuôi không tuân thủ theo VietGAP;

- Khi phát hiện sản phẩm được chứng nhận VietGAP không đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

- Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước.

- Trình tự thủ tục đánh giá chứng nhận và đánh giá giám sát do Tổ chức chứng nhận quy định bằng văn bản và được đoàn chuyên gia đánh giá của Tổng cục Thủy sản kiểm tra, chấp thuận.

Kết quả kiểm tra giám sát là căn cứ để Tổ chức chứng nhận quyết định duy trì, cảnh báo, đình chỉ hoặc thu hồi chứng nhận VietGAP.

Câu hỏi 23: Việc chứng nhận lại, gia hạn, thay đổi hoặc bổ sung Giấy chứng nhận VietGAP được thực hiện như thế nào?

Trả lời: Cơ sở nuôi muốn chứng nhận lại, gia hạn, thay đổi hoặc bổ sung Giấy chứng nhận VietGAP phải gửi đơn đăng ký với Tổ chức chứng nhận theo mẫu mà Tổ chức chứng nhận quy định.

Tổ chức chứng nhận căn cứ điều kiện cụ thể để thực hiện các thủ tục đánh giá và cấp lại, gia hạn, thay đổi hoặc bổ sung chứng nhận VietGAP. Thời hạn của chứng nhận cấp lại tối đa là 24 tháng. Khi giấy chứng nhận hết hiệu lực, nếu cơ sở nuôi không đăng ký chứng nhận lại, giấy chứng nhận VietGAP đó sẽ được gia hạn 1 lần tối đa là 3 tháng.

Câu hỏi 24: Cơ sở nuôi trồng thủy sản cần dựa vào tiêu chí nào để lựa chọn Tổ chức chứng nhận?

Trả lời: Cơ sở nuôi được quyền lựa chọn tổ chức chứng nhận trong số những tổ chức đã được Tổng cục Thủy sản chỉ định. Cơ sở nuôi có thể tìm hiểu thông tin về các tổ chức chứng nhận tại website <http://vietgap.tongcucthuysan.gov.vn> hoặc trang tin đitìm hiểu thông tin tại cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản địa phương.

Câu hỏi 25: Cơ sở nuôi có được thay đổi tổ chức chứng nhận khác không khi tổ chức chứng nhận mà họ đang ký hợp đồng gây khó dễ cho họ? Nếu được, cơ sở nuôi phải làm gì?

Trả lời: Được thay đổi tổ chức chứng nhận. Cơ sở nuôi được quyền lựa chọn tổ chức chứng nhận khi muốn thay

đổi (theo Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012).

Cơ sở nuôi phải thực hiện các nghĩa vụ đã ký kết trong hợp đồng và thanh lý hợp đồng với tổ chức chứng nhận cũ. Khi đăng ký với tổ chức với chứng nhận mới, cơ sở nuôi phải khai báo đầy đủ các thông tin và cung cấp lại mã số VietGAP cũ để tổ chức chứng nhận mới kiểm tra, nhập vào cơ sở dữ liệu VietGAP. Hệ thống cấp mã số tự động sẽ nhận dạng và cấp lại mã số VietGAP phù hợp với tổ chức chứng nhận mới.

Câu hỏi 26: Cơ quan nào có thẩm quyền trong việc kiểm tra các cơ sở nuôi đạt chứng nhận VietGAP?

Trả lời: Cơ sở nuôi đăng ký chứng nhận VietGAP với tổ chức chứng nhận nào thì tổ chức chứng nhận ấy có quyền và trách nhiệm trong việc đánh giá chứng nhận và đánh giá giám sát đối với cơ sở nuôi đó.

- Tổng cục Thủy sản là cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra các cơ sở nuôi đạt chứng nhận VietGAP trên phạm vi cả nước.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền kiểm tra, giám sát cơ sở nuôi đã được cấp chứng nhận VietGAP trên địa bàn quản lý.

Câu hỏi 27: Cơ quan nào có thẩm quyền trong việc kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của Tổ chức chứng nhận đã được chỉ định?

Trả lời: Tổng cục Thủy sản là cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, thanh tra và giám sát

hoạt động của các Tổ chức chứng nhận do Tổng cục Thủy sản chỉ định trên phạm vi cả nước.

Căn cứ kết quả giám sát hoặc kết quả kiểm tra, thanh tra, Tổng cục Thủy sản sẽ ra quyết định xử lý vi phạm đối với tổ chức chứng nhận VietGAP bằng các hình thức:

1. Cảnh cáo khi tổ chức chứng nhận được chỉ định có điểm không phù hợp nhưng chưa ảnh hưởng đến kết quả chứng nhận;

2. Đình chỉ hiệu lực của quyết định chỉ định trong trường hợp có điểm không phù hợp về kỹ thuật nhưng có thể khắc phục được và chưa gây hậu quả nghiêm trọng;

3. Quyết định chỉ định bị hủy bỏ trong trường hợp sau:

a) Tổ chức chứng nhận không đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Thông tư 48;

b) Tổ chức chứng nhận không trung thực, khách quan trong hoạt động đánh giá, chứng nhận.

c) Trong thời hạn ít nhất 01 (một) năm kể từ ngày Quyết định chỉ định bị hủy bỏ, tổ chức chứng nhận không được đăng ký hoạt động chứng nhận VietGAP. Tổ chức chứng nhận muốn hoạt động lại sau thời hạn trên phải thực hiện thủ tục đăng ký và đánh giá chỉ định lại theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này và phải có cam kết không tái phạm. Trường hợp tái phạm sẽ bị cấm hoạt động vĩnh viễn.

Thông tin về các Tổ chức chứng nhận bị cảnh cáo, đình chỉ được đăng tải trên website: <http://vietgap.tongcucthuysan.gov.vn>.

PHẦN III.

YÊU CẦU CHUNG



Câu hỏi 28: Trong trường hợp cơ sở nuôi đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi thế chấp ở ngân hàng để vay vốn thì có được chấp nhận khi đăng ký chứng nhận VietGAP không?

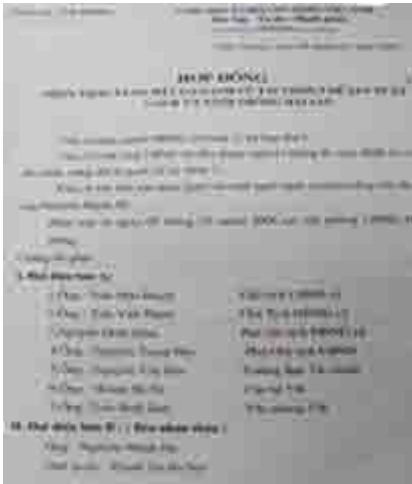
Trả lời: Có. Nếu cơ sở nuôi có thể xuất trình bản sao công chứng của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ/sổ hồng) kèm hợp đồng vay vốn tín dụng, trong đó ghi rõ tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.



Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất



Bìa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất



*Hợp đồng nhận thuê đất để
nuôi trồng thủy sản*



*Hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất*

Câu hỏi 29: Tại sao phải xác định tọa độ địa lý của nơi nuôi/đơn vị nuôi trồng thủy sản áp dụng VietGAP?

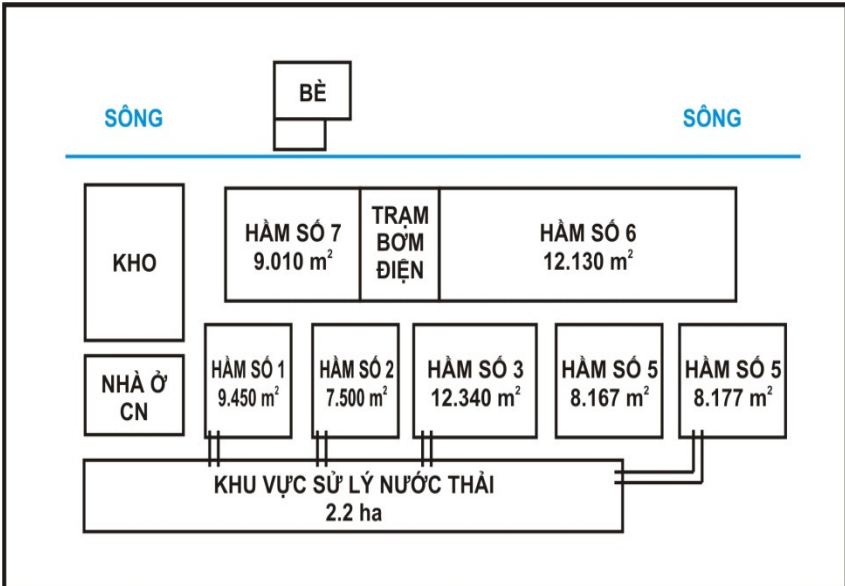
Trả lời: Xác định tọa độ nơi nuôi/đơn vị nuôi trồng thủy sản áp dụng VietGAP nhằm mục đích truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Ngoài ra, còn góp phần đảm bảo không nhầm lẫn giữa sản phẩm được nuôi và thu hoạch từ nơi đã được chứng nhận VietGAP với không áp dụng VietGAP (theo điều khoản 1.3.2 của Quyết định số 3824/QĐ-BNN-TCTS).

Câu hỏi 30: Nếu cơ sở chỉ có 1 ao nuôi thì khi đăng ký chứng nhận VietGAP có cần vẽ sơ đồ mặt bằng không? Sơ đồ này có cần cấp thẩm quyền xác nhận không?

Trả lời: Cơ sở nuôi cần vẽ sơ đồ mặt bằng nơi nuôi để thuận lợi cho việc quản lý sản xuất, tư vấn áp dụng và đánh

giá cấp chứng nhận VietGAP. Do đó, dù chỉ có 01 ao nuôi, cơ sở nuôi vẫn phải có sơ đồ mặt bằng (Theo điều khoản 1.2.1 của Quyết định 3824/QĐ-BNN-TCTS).

- Sơ đồ mặt bằng nơi nuôi áp dụng VietGAP không cần xác nhận của cấp có thẩm quyền.



Ví dụ về một sơ đồ mặt bằng nơi nuôi

Câu hỏi 31: Có phải phân biệt sản phẩm được chứng nhận VietGAP với sản phẩm chưa được chứng nhận VietGAP không? Ai thực hiện?

Trả lời: Có. Chứng nhận VietGAP cấp cho sản phẩm cụ thể (tên sản phẩm, sản lượng, địa điểm) nên cơ sở nuôi phải thực hiện việc phân biệt sản phẩm được chứng nhận VietGAP với sản phẩm chưa được chứng nhận VietGAP bằng

hệ thống biển báo và hồ sơ (theo điều khoản 1.6 của Quyết định 3824/QĐ-BNN-TCTS).

Câu hỏi 32: Tại sao cần có hồ sơ VietGAP?

Trả lời: Hồ sơ VietGAP được lập, cập nhật và lưu trữ nhằm:

- Cung cấp bằng chứng khi đánh giá, chứng nhận VietGAP;
- Truy xuất nguồn gốc sản phẩm;
- Phát hiện sai sót (nếu có) trong quá trình nuôi để rút kinh nghiệm cho những vụ nuôi tiếp theo;
- Quản lý hiệu quả hơn, giúp giảm chi phí sản xuất.

Theo điều khoản 1.6 của Quyết định 3824/QĐ-BNN-TCTS thì “hồ sơ liên quan đến sản phẩm thủy sản phải được lưu trữ ít nhất 24 tháng sau thu hoạch. Hồ sơ pháp lý, nhân sự, môi trường phải được lưu trữ cho đến khi có sự thay đổi”.

Câu hỏi 33: Có phải ghi chép việc di chuyển thủy sản nuôi từ vùng này đến vùng khác, ao này đến ao khác để theo dõi không? Vì sao?

Trả lời: Có. Cơ sở nuôi phải thực hiện ghi chép và lưu trữ hồ sơ đầy đủ. Đây chính là hoạt động thiết lập hồ sơ phục vụ cho việc giám sát hoạt động nuôi và truy xuất nguồn gốc sản phẩm (theo điều khoản 1.3.1 của Quyết định 3824/QĐ-BNN-TCTS).

- Ngoài ra, việc ghi chép còn giúp cơ sở kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc cho phù hợp nhằm tuân thủ tốt các yêu cầu kỹ thuật, thủy sản phát triển ở mức tối ưu.

Câu hỏi 34: Tôi là người quản lý cơ sở nuôi, muốn tham gia lớp đào tạo về VietGAP, tôi phải đăng ký ở đâu, ai tổ chức, có phải đóng học phí không?

Trả lời: Cơ sở nuôi có thể đăng ký đào tạo về VietGAP với Chi cục NTTS/Thủy sản hoặc Trung tâm khuyến nông tỉnh.

- Người tham gia tập huấn không phải đóng kinh phí trong trường hợp các đơn vị trên được cấp kinh phí đào tạo theo chính sách hỗ trợ của Nhà nước (Quyết định 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013).

- Nếu cơ sở nuôi tự tổ chức cho người quản lý và người lao động của cơ sở mình hoặc cơ sở nuôi lân cận:

- Liên hệ với đơn vị/tổ chức phi chính phủ/công ty tư vấn độc lập tổ chức – đơn vị phải có người giảng dạy là giảng viên/chuyên gia đánh giá/cán bộ quản lý nuôi trồng thủy sản địa phương đã được Tổng cục Thủy sản cấp chứng chỉ đào tạo VietGAP.

- Kinh phí tổ chức đào tạo theo quy định hiện hành.

PHẦN IV. NỘI DUNG AN TOÀN THỰC PHẨM



Câu hỏi 35: Trên nhãn của kháng sinh, hóa chất hạn chế sử dụng đã có hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất thì có cần hỏi ý kiến của cán bộ có chuyên môn không?

Trả lời: Trường hợp trên nhãn/bao bì kháng sinh, hóa chất nằm trong danh mục hạn chế sử dụng có thông tin về thời gian ngừng sử dụng trước khi thu hoạch cơ sở nuôi có thể tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Trường hợp không có hướng dẫn về thời gian ngừng sử dụng trước khi thu hoạch trên nhãn/bao bì, cơ sở nuôi có thể tham khảo cán bộ chuyên môn.

- Cơ sở nuôi chỉ sử dụng kháng sinh khi biết rõ tác nhân gây bệnh là vi khuẩn. Không sử dụng kháng sinh để phòng bệnh. Cơ sở nuôi chỉ sử dụng thuốc, thức ăn, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường được phép lưu hành tại Việt Nam theo hướng dẫn của cán bộ chuyên môn hoặc nhà sản xuất (theo điều khoản 2.2.2 của Quyết định 3824/QĐ-BNN-TCTS).

Câu hỏi 36: Cơ sở nuôi không có nơi bảo quản thuốc, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường thì phải làm thế nào?

Trả lời: Cơ sở nuôi cần tính toán để mua số lượng vừa đủ cho mỗi lần dùng, tránh dư thừa.

- Trường hợp thuốc, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường đã mua về và mở bao bì nhưng chưa sử dụng hết hoặc chưa mở bao bì thì phải bảo quản theo hướng dẫn của nhà sản xuất để đảm bảo chất lượng, tránh việc thất thoát, tránh nhầm lẫn và sử dụng không đúng mục đích.

Câu hỏi 37: Thuốc, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường bảo quản ở điều kiện nhiệt độ phòng có được không?

Trả lời: Thông thường, các loại thuốc, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường có thể bảo quản được ở điều kiện nhiệt độ phòng.

- Tuy nhiên, có một số loại kháng sinh, thuốc phải được bảo quản trong điều kiện đặc biệt, ví dụ tránh ánh sáng, bảo quản ở nhiệt độ thấp, ... để tránh suy giảm chất lượng, mất hoạt tính.

- Vì vậy, khi mua kháng sinh, hóa chất cần tìm hiểu kỹ cách bảo quản ghi trên nhãn và thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc tham khảo ý kiến của cán bộ chuyên môn.

Câu hỏi 38: Làm thế nào để nhận biết các sản phẩm thuốc, thức ăn, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường bán trên thị trường được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản?

Trả lời: Khi mua thuốc, thức ăn, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường sử dụng trong nuôi trồng thủy sản, cơ sở nuôi nên kiểm tra các thông tin thể hiện trên nhãn với thông tin trên danh mục được phép sử dụng hoặc giấy phép lưu hành tạm thời của sản phẩm đó, bao gồm: tên sản phẩm, thành phần, hàm lượng, công dụng, nhà sản xuất/nhập khẩu.

- Ngoài ra, cơ sở nuôi có thể tham khảo thêm thông tin từ Chi cục Nuôi trồng thủy sản/thủy sản hoặc cán bộ chuyên môn.



Cơ sở nuôi không nên mua những sản phẩm không có nhãn mác

Câu hỏi 39: Có được dùng thuốc chữa bệnh cho người để chữa bệnh cho động vật thủy sản không?

Trả lời: Không. Cơ sở nuôi chỉ được sử dụng các loại thuốc dùng trong nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định để trị bệnh cho động vật thủy sản.

Câu hỏi 40: Cơ sở nuôi có được phép sử dụng thức ăn tự chế biến để nuôi thủy sản không?

Trả lời: Có. Cơ sở nuôi được phép sử dụng thức ăn tự chế biến. Tuy nhiên, cơ sở nuôi phải lựa chọn nguyên liệu có chất lượng, có nguồn gốc rõ ràng và ghi chép hồ sơ. Thông tin cần có thành phần, nguồn gốc và ngày mua nguyên liệu làm thức ăn (ví dụ như bột cá, đậu nành, cám gạo, cá tạp xay nhỏ ...) (theo điều khoản 2.2.2 của Quyết định 3824/QĐ-BNN-TCTS).

Câu hỏi 41: Thuốc, hóa chất khi bảo quản phải có đủ nhãn mác, được sắp xếp tách biệt theo đúng yêu cầu ghi trên nhãn nhằm mục đích gì?

Trả lời: Thuốc, hóa chất khi bảo quản cần có đủ nhãn mác để không nhầm lẫn khi sử dụng. Những loại thuốc, hóa chất đã pha chế và đang sử dụng dở dang, phải gắn thêm nhãn ghi rõ tên thuốc, nồng độ, ngày pha chế và hạn dùng để tránh nhầm lẫn.

Từng loại thuốc, hóa chất phải sắp xếp tách biệt để dễ dàng trong việc tìm kiếm, xuất kho và tránh phản ứng chéo làm mất hoạt tính.

Câu hỏi 42: Các vỏ chai lọ, bao bì tiếp xúc trực tiếp với kháng sinh, hóa chất (chất thải nguy hại) và thuốc, thức ăn, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường hết hạn sử dụng phải xử lý như thế nào?

Trả lời: Sau khi sử dụng, người nuôi cần thu gom vỏ chai lọ, bao bì tiếp xúc trực tiếp với kháng sinh, hóa chất và xử lý theo đúng quy định như trả lại nhà cung cấp hoặc được tiêu hủy bởi một đơn vị đã được cơ quan thẩm quyền cho phép tiêu hủy rác thải/chất thải độc hại.



Một số vỏ túi, chai lọ đựng hóa chất thuộc nhóm chất thải nguy hại mà cơ sở nuôi không được tái sử dụng, đốt hay chôn lấp.

- Việc xử lý các loại hóa chất, kháng sinh, chế phẩm sinh học đã hết hạn sử dụng phải được thực hiện bởi các chuyên gia môi trường với các dụng cụ và phương tiện kỹ thuật chuyên dụng. Cơ sở nuôi cần biết rõ địa chỉ của những cơ sở này và tốt nhất là nên ký hợp đồng nguyên tắc về việc thu xử lý hóa chất, kháng sinh, chế phẩm sinh học đã hết hạn với cơ quan quản lý môi trường.

- Trường hợp các đại lý, cửa hàng bán hóa chất, kháng sinh, chế phẩm sinh học có hợp đồng với cơ quan môi trường và những cửa hàng này đồng ý nhận lại hóa chất, kháng sinh, chế phẩm sinh học đã hết hạn để chuyển tới nơi xử lý, thì chủ cơ sở nuôi có thể trả lại hóa chất, kháng sinh đã hết hạn cho đại lý này.

Câu hỏi 43: Sử dụng hóa chất, kháng sinh để trị bệnh cho thủy sản phải tuân thủ những nguyên tắc nào?

Trả lời: Sử dụng hóa chất, kháng sinh để trị bệnh cho thủy sản nuôi theo nguyên tắc:

a. Chỉ sử dụng hóa chất, kháng sinh để trị bệnh cho thủy sản khi biết rõ nguyên nhân gây ra bệnh hoặc tác nhân gây bệnh (do vi khuẩn hay virus hay ký sinh trùng) và theo hướng dẫn của cán bộ chuyên môn, nhà sản xuất hoặc theo phác đồ điều trị (liều dùng, cách dùng, thời điểm...).

b. Khi sử dụng, phải:

- Kiểm tra so sánh thông tin trên nhãn hóa chất, kháng sinh với chỉ định điều trị của cán bộ chuyên môn, nhà sản xuất hoặc theo phác đồ điều trị;

- Hóa chất, kháng sinh đang dùng dở, thuốc sắp hết hạn được sử dụng trước;

- Tuyệt đối không sử dụng hóa chất, kháng sinh đã hết hạn sử dụng hoặc hóa chất, kháng sinh đã biến đổi chất lượng;

- Tuân thủ thời gian ngừng sử dụng trước khi thu hoạch theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cán bộ chuyên môn hoặc cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản địa phương.

c. Ghi thông tin về sử dụng hóa chất, kháng sinh vào hồ sơ lưu trữ theo điều khoản 3.5 của Quyết định 3824/QĐ-BNN-TCTS.

Câu hỏi 44: Cơ sở nuôi có thể thu gom các loại chất thải (rác thải sinh hoạt, bao bì chứa đựng hóa chất, kháng sinh; xác cá...) vào một dụng cụ chứa có được không?

Trả lời: Không. Việc gom chung tất cả chất thải vào một dụng cụ chứa sẽ gây khó khăn cho khâu xử lý và nếu xử lý không đúng sẽ gây hại cho môi trường xung quanh và sức khỏe người lao động.

Để thực hiện đúng, người công nhân phải:

- Biết cách phân loại chất thải và cách thu gom, loại bỏ, xử lý phù hợp với từng loại chất thải, đặc biệt là chất thải nguy hại.

- Cán bộ quản lý cơ sở nuôi phải kiểm tra hoạt động thu gom chất thải của công nhân, nếu phát hiện sai sót, cần hướng dẫn cụ thể và yêu cầu làm lại.



PHẦN V.
NỘI DUNG QUẢN LÝ SỨC KHỎE
THỦY SẢN NUÔI



Câu hỏi 45: Theo VietGAP, bệnh thủy sản được định nghĩa thế nào?

Trả lời: Theo VietGAP “*Bệnh là sự lây nhiễm một hoặc nhiều tác nhân sinh học gây ra, có hoặc không có dấu hiệu lâm sàng*”, chỉ giới hạn ở tác nhân sinh học (virus, vi khuẩn, nấm, ký sinh trùng). Khi bị nhiễm tác nhân sinh học, thủy sản sẽ có các dấu hiệu bất thường về cấu trúc hoặc chức năng của cơ thể (theo OIE).

Câu hỏi 46: Mầm bệnh lây nhiễm từ đâu?

Trả lời: Mầm bệnh lây nhiễm từ một số nguồn sau:

- **Từ con giống:** lây nhiễm từ con giống bị bệnh sang con giống khỏe mạnh;

- **Từ nguồn nước:** nguồn nước chưa qua xử lý, có chứa mầm bệnh và lây nhiễm cho thủy sản trong ao nuôi;

- **Từ thức ăn:** Lây nhiễm từ nguyên liệu và thức ăn bảo quản không tốt;

- **Môi trường ao nuôi:** Từ thủy sản chết, bùn đáy, chất lượng môi trường nước thay đổi đột ngột...;

- **Môi trường xung quanh:** nước thải, bùn thải có mang mầm bệnh, hệ thống công trình;

- **Động vật trên cạn:** chuột, động vật nuôi, chim...

- **Khác:** người chăm sóc, trang thiết bị, dụng cụ tham gia vào quá trình nuôi.

- Chính vì vậy, cơ sở nuôi cần phân tích nguồn gốc lây nhiễm bệnh nhằm đưa ra các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hoặc giảm thiểu rủi ro về bệnh dịch cũng như đảm bảo thủy sản nuôi được chăm sóc, quản lý tốt, đảm bảo môi trường sống tối ưu với sức khỏe của thủy sản nuôi.

Câu hỏi 47: Cơ sở nuôi có được sử dụng kháng sinh để phòng bệnh cho động vật thủy sản không?

Trả lời: Không. Theo quy định hiện nay, cơ sở nuôi không được sử dụng kháng sinh để phòng bệnh vì có thể gây nhờn thuốc, dẫn đến tồn dư kháng sinh trong sản phẩm và gây hiện tượng kháng kháng sinh ở người.

Kháng sinh chỉ được dùng theo đơn hoặc phác đồ điều trị của cán bộ chuyên môn. Cơ sở nuôi phải ngừng sử dụng kháng sinh trước khi thu hoạch theo khuyến cáo của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản.

Câu hỏi 48: Cơ sở nuôi có được sử dụng vitamin, khoáng chất, dầu cá để thủy sản nhanh lớn, tăng sức đề kháng không?

Trả lời: Có. Cơ sở nuôi được phép sử dụng chất bổ sung thức ăn nhưng chỉ dùng sản phẩm có trong danh mục được phép lưu hành do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố và phải ghi chép thông tin về sản phẩm, cách sử dụng, liều dùng, người thực hiện....

Câu hỏi 49: Có cần thông báo cho chính quyền địa phương khi thủy sản nuôi bị bệnh không?

Trả lời: Có. Khi thủy sản nuôi bị bệnh nằm trong danh mục phải công bố dịch, cơ sở nuôi phải thông báo cho cơ quan quản lý thủy sản hoặc thú y gần nhất, đồng thời phối hợp với cơ quan chức năng để thực hiện các biện pháp dập dịch, khử trùng tại nơi xảy ra dịch (theo Thông tư số 17/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/6/2014). Ngoài ra, cơ

sở nuôi nên thông báo cho các hộ nuôi lân cận để cùng phối hợp phòng trị, tránh để bệnh dịch lan rộng.

Câu hỏi 50: Khi phát hiện cá tra chết nhiều, tôi thấy dấu hiệu bệnh tích không giống với mô tả trong kế hoạch QLSKĐVTS nên liên lạc với cơ quan thú y hoặc Viện nghiên cứu để lấy mẫu cá và đề nghị nếu phát hiện tác nhân gây bệnh là vi khuẩn thì làm kháng sinh đồ. Việc làm trên của tôi là đúng hay sai?

Trả lời: Quan sát cá bị chết thấy có dấu hiệu bệnh tích lạ, cơ sở nuôi đã không vội vàng dùng thuốc, mà liên lạc với cơ quan thú y hoặc Viện nghiên cứu để lấy mẫu cá bị bệnh và đề nghị tìm tác nhân gây bệnh là hành động rất đúng vì mỗi loại vi khuẩn sẽ có một hoặc một vài loại kháng sinh đặc hiệu. Hiện có nhiều loại vi khuẩn gây bệnh cho cá tra đã kháng tới 5-6 loại kháng sinh. Việc làm kháng sinh đồ sẽ giúp cho việc lựa chọn loại kháng sinh phù hợp, liều lượng chính xác, hiệu quả chữa trị sẽ cao hơn.

Câu hỏi 51: Cơ sở nuôi A thực hiện điều trị bệnh cho cá tra theo hướng dẫn của cán bộ chuyên môn có hiệu quả tốt. Cơ sở nuôi B cũng bắt chước làm theo với lý do “phòng bệnh hơn trị bệnh” mặc dù cá đang khỏe mạnh. Việc làm trên của cơ sở nuôi B là đúng hay sai? Vì sao?

Trả lời: Việc làm trên của cơ sở nuôi B là sai, vì:

1. Cá đang khỏe mạnh lại dùng kháng sinh, hóa chất sẽ dẫn tới:

a) Cá bị suy giảm miễn dịch;

b) Có thể gây hiện tượng nhờn thuốc;

c) Tồn dư kháng sinh trong sản phẩm thủy sản; d) lãng phí tiền bạc;

2. Cơ sở nuôi B hiểu sai câu châm ngôn “phòng bệnh hơn trị bệnh”. Lẽ ra khi cá ở ao nuôi của cơ sở nuôi A bị bệnh thì cơ sở nuôi B cần:

- Theo dõi chặt chẽ dấu hiệu bệnh của cá;
- Tăng cường sức đề kháng cho cá như bổ sung vitamin, khoáng chất vào thức ăn...

- Ngăn chặn thẩm lậu nước;

- Ngăn chặn động vật gây hại lây bệnh;

- Rắc vôi trên bờ ao;

- Tuyệt đối cách ly với ao cá bị bệnh của cơ sở nuôi A;

Câu hỏi 52: Người nuôi tôm thấy tôm trong ao bám bờ nhiều, giảm ăn nên đến cơ sở bán thuốc thú y mô tả triệu chứng. Chủ cửa hàng liền bán thuốc và hướng dẫn cách điều trị. Cách làm trên là đúng hay sai?

Trả lời: Cách làm nêu trên của người nuôi và chủ cửa hàng thuốc thú y đều sai, vì:

- Tôm sú bám bờ, giảm ăn có thể do bị bệnh, cũng có thể do ảnh hưởng của môi trường nước hay thời tiết (nhiệt độ) thay đổi.

- Người nuôi không so sánh triệu chứng của tôm với mô tả trong kế hoạch QLSKĐVTS, cũng không tham khảo ý kiến của nhà chuyên môn mà đi hỏi người bán thuốc sẽ dẫn tới mấy bất lợi sau đây:

- Người nuôi có thể bỏ sót hoặc mô tả không chính xác triệu chứng bệnh;

- Người bán thuốc không có chuyên môn về phòng trị bệnh cho thủy sản nhưng vì lợi nhuận nên vẫn bán thuốc cho cơ sở nuôi.

- Người nuôi có thể mất nhiều chi phí hơn cần thiết và tôm không khỏi bệnh do mua không đúng thuốc.

Trong trường hợp này, cơ sở nuôi nên thông báo cho cán bộ chuyên môn về các triệu chứng của tôm và thực hiện việc chữa trị theo hướng dẫn của cán bộ chuyên môn.

Câu hỏi 53: Mặc dù đã dùng hóa chất, kháng sinh để trị bệnh nhưng cơ sở nuôi vẫn thu tôm trước ngày được phép thu hoạch 1 tuần. Việc làm của cơ sở nuôi có đúng không? Vì sao?

Trả lời: Việc làm trên của cơ sở nuôi là sai, vì:

- Nếu bán sản phẩm cho nhà máy chế biến, nhà máy chế biến sẽ lấy mẫu phân tích và kiểm tra dư lượng hóa chất trong danh mục hạn chế sử dụng, kháng sinh. Nếu vượt mức cho phép, nhà máy sẽ từ chối thu mua.

- Nếu bán sản phẩm ra thị trường bán lẻ, sản phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm sẽ gây hại cho sức khỏe người tiêu dùng.

- Theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT, khi đã sử dụng hóa chất, kháng sinh để trị bệnh cho thủy sản, cơ sở nuôi phải nghiêm túc thực hiện thời gian ngừng sử dụng trước khi thu hoạch cho dù phải chi phí thêm thức ăn do kéo

dài thời gian nuôi. Lý do: thủy sản đã chết, cơ chế chuyển hóa hóa chất, kháng sinh thành các dẫn xuất không gây hại cho sức khỏe người sử dụng không còn nên hóa chất, kháng sinh còn tồn dư trong thủy sản không được đào thải ra khỏi cơ thể cho dù là sau 1 tháng hay 1 năm.

- Thời điểm thu hoạch thích hợp để đảm bảo dư lượng hóa chất, kháng sinh trong động vật thủy sản nằm dưới ngưỡng cho phép được tính từ thời điểm ngừng sử dụng đến thời điểm thu hoạch tại cơ sở nuôi. Thời điểm ngừng sử dụng trước khi thu hoạch đối với mỗi loại kháng sinh, hóa chất được quy định bởi nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản.





PHẦN VI.

NỘI DUNG VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



Câu hỏi 54: IUCN là gì? Các cơ sở nuôi trồng thủy sản có liên quan gì đến IUCN?

Trả lời: IUCN là Liên minh Quốc tế Bảo tồn thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên. Một trong những quy định của IUCN mà cơ sở nuôi phải chú ý là:

1. Nơi nuôi trồng thủy sản không nằm trong khu vực bảo tồn quốc gia hoặc của quốc tế (thuộc phụ lục I tới IV của IUCN). Nếu nằm trong khu vực thuộc phụ lục V hoặc VI của IUCN thì phải được Ban quản lý bảo tồn đồng ý bằng văn bản.

2. Cơ sở nuôi cần có biện pháp phù hợp, phòng ngừa sự xâm nhập để bảo vệ và không gây chết đối với những loài động vật nằm trong sách đỏ mà IUCN công bố (những các loài động, thực vật trên lãnh thổ Việt Nam có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ nghiêm ngặt).

Câu hỏi 55: Cơ sở nuôi phải làm gì khi nằm trong khu vực bảo tồn thuộc Danh mục V của IUCN?

Trả lời: Theo quy định của IUCN, phụ lục V là “khu vực bảo tồn cảnh quan đất liền được bảo vệ hoặc khu vực bảo tồn cảnh quan trên biển được bảo vệ”. Do đó, để được công nhận VietGAP, cơ sở phải làm văn bản gửi đến lãnh đạo khu bảo tồn. Cơ sở nuôi chỉ đáp ứng yêu cầu VietGAP khi lãnh đạo khu bảo tồn đồng ý về việc cơ sở nuôi nằm trong khu vực này.

Câu hỏi 56: Những loài động vật hoang dã nào trong sách đỏ có khả năng xuất hiện ở cơ sở nuôi trồng thủy sản Việt Nam?

Trả lời: Những loài động vật hoang dã trong Sách đỏ Việt Nam và thế giới có thể xuất hiện ở cơ sở nuôi trồng thủy sản của Việt Nam là:

- Bồ nông chân xám; sếu đầu đỏ.



Bồ nông chân xám



Sếu đầu đỏ

- Cò Châu Á, cò Ấn Độ, cò lạo xám, cò nhạn, cò quăm cánh xanh, cò quăm lớn, cò thìa;



Cò nhạn



Cò thìa



Cò Châu Á

- Rái cá lông mũi, rái cá lông mượt, rái cá thường, rái cá vuốt bé;



Rái cá lông mượt

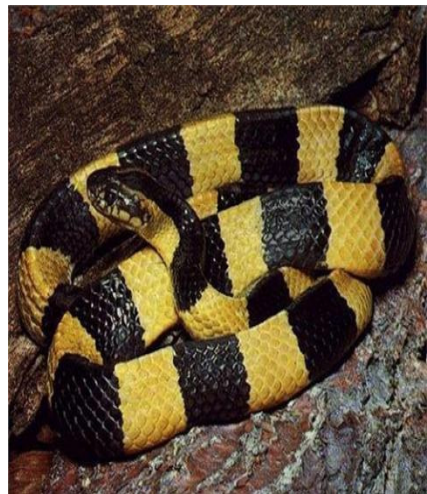


Rái cá thường

- Rắn cạp nong, rắn hổ mang, rắn hổ mang chúa, rắn hổ trâu, rắn lai, rắn lục đầu đen, rắn lục mũi hếch, rắn lục núi, rắn lục sừng, rắn ráo, rắn ráo răng chó, rắn sọc đốm đỏ, rắn sọc khoanh, rắn xe điều nâu, rắn xe điều xám;



Rắn hổ mang chúa



Rắn cạp nong

- Rùa da, rùa đất lớn, rùa đầu to, rùa hộp ba vạch, rùa hộp lưng đen, rùa hộp trán vàng, rùa núi vàng, rùa núi viền, rùa răng.



Rùa núi vàng



Rùa hộp lưng đen

Khi những loại này xuất hiện tại cơ sở nuôi, chủ cơ sở phải sử dụng biện pháp cần thiết để bảo vệ và không gây chết đối với những loài này.

Câu hỏi 57: Việt Nam có những vùng ngập nước nào được công nhận là vùng đất ngập nước có ý nghĩa theo Công ước RAMSAR?

Trả lời: Tính đến năm 2014, Việt Nam có 6 vùng ngập nước được công nhận là:

1. Vườn Quốc gia Xuân Thủy, tỉnh Nam Định (công nhận ngày 20/9/1988).
2. Bàu Sấu thuộc vườn Quốc gia Cát Tiên, tỉnh Đồng Nai (công nhận ngày 4/8/2005).
3. Hồ Ba Bể, tỉnh Bắc Cạn (công nhận ngày 5/6/2011).
4. Tràm chim, tỉnh Đồng Tháp (công nhận ngày 22/5/2012).

5. Vườn Quốc gia mũi Cà Mau, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (công nhận 15/4/2013).

6. Vườn quốc gia Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (công nhận năm 2014).

Câu hỏi 58: Cơ sở nuôi tôm sú thâm canh có diện tích 5 ha, khi áp dụng VietGAP có phải thực hiện đánh giá tác động môi trường không?

Trả lời: Không. Cơ sở nuôi chỉ phải làm cam kết môi trường do:

- Cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh hoặc bán thâm canh có diện tích từ 10 ha trở lên phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh hoặc bán thâm canh có diện tích nhỏ hơn 10 ha, chỉ cần làm Cam kết bảo vệ môi trường. (Theo Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 8/4/2011 của Chính phủ).

Câu hỏi 59: Trình tự và thủ tục lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường như thế nào? Có thể thuê đơn vị tư vấn làm không?

Trả lời: Quy trình, thủ tục lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại Chương III, Nghị định 29/2011/NĐ-CP ngày 8/4/2011 và phụ lục 2.1 đến 2.7 của Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chủ cơ sở nuôi có thể tự làm hoặc thuê các đơn vị tư vấn, dịch vụ xây dựng Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Cam kết bảo vệ môi trường.

- Cơ sở nuôi có thể liên hệ với Phòng Tài Nguyên và Môi trường cấp huyện để tìm kiếm thông tin cần thiết.

Câu hỏi 60: Hệ thống nuôi của tôi chỉ có một kênh dẫn dùng cho mục đích cấp và thoát nước. Vậy cơ sở nuôi của tôi có thể đạt chứng nhận VietGAP không?

Trả lời: VietGAP không quy định cụ thể về cơ sở hạ tầng nuôi, công nghệ và phương thức nuôi trồng thủy sản.

- Do đó, nếu cơ sở nuôi chỉ có một kênh dẫn dùng cho mục đích cấp và thoát nước thì phải chứng minh chất lượng nước cấp vào ao nuôi, nước thải trước khi thải ra môi trường được xử lý đảm bảo đạt theo yêu cầu cũng như chứng minh nước thải không làm ô nhiễm nguồn nước cấp thông qua số liệu ghi chép và thực tế.

Câu hỏi 61: Tại sao VietGAP quy định cơ sở nuôi không được làm nhiễm mặn các nguồn nước ngọt tự nhiên?

Trả lời: Nước thải, bùn thải do hoạt động nuôi trồng thủy sản mặn lợ gây ra, nếu không xử lý đúng cách thì có thể làm nhiễm mặn nguồn nước ngọt tự nhiên như nước ngầm, nước sông suối, hồ đập.... Ngoài ra, chúng còn gây ảnh hưởng đến đa dạng sinh học, môi trường sinh thái và tác động xấu đến các ngành nghề, cộng đồng dân cư xung quanh. Vì vậy, VietGAP yêu cầu các cơ sở nuôi phải tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp xử lý nước thải và bùn thải để không làm nhiễm mặn nguồn nước ngọt tự nhiên.

- Khi phát hiện ra hiện tượng nhiễm mặn liên quan đến hoạt động nuôi trồng thủy sản, người dân phải thông báo cho các cơ quan quản lý môi trường và cộng đồng xung

quanh. ***Yêu cầu này không áp dụng đối với các cơ sở nuôi thủy sản nước ngọt.***

Câu hỏi 62: Cơ sở nuôi có được tiêu diệt một số loài động vật như rắn, cá dữ, chim, cò xâm nhập vào nơi nuôi không?

Trả lời: Trong giai đoạn diệt tạp để cải tạo ao nuôi, cơ sở nuôi được phép tiêu diệt một số địch hại cho thủy sản nuôi như rắn, cá dữ, cua, còng...

- Trong quá trình nuôi, cơ sở nuôi không được phép áp dụng các biện pháp gây chết như dùng súng, bẫy chết, dùng thuốc độc mà chỉ được áp dụng các biện pháp phòng ngừa như làm bù nhìn, khua chiêng, gõ trống... đối với địch hại của động vật thủy sản như rắn, chim, cò...

Lý do: để bảo vệ sự đa dạng sinh học và sự toàn vẹn của môi trường tự nhiên, VietGAP đề cao việc bảo vệ động vật hoang dã (theo điều khoản 4.3.1 của Quyết định 3824/QĐ-BNN-TCTS).

Câu hỏi 63: Trong vùng tôi nuôi thủy sản hay xuất hiện sếu đầu đỏ. Tôi đã làm lưới ngăn chim nhưng có lần một con sếu đầu đỏ bị vướng vào lưới ngăn chim và đã bị chết. Tôi sẽ phải làm gì để vừa bảo vệ ao nuôi mà không gây chết đối với động vật trong sách đỏ?

Trả lời: Cơ sở nuôi đã có ý thức bảo vệ động vật hoang dã trong sách đỏ nhưng do áp dụng biện pháp ngăn chặn không hiệu quả dẫn tới sếu đầu đỏ vướng lưới chết. Để chim không bị dính lưới, cơ sở nuôi nên thay bằng lưới mắt to và dày hơn.



Sếu đầu đỏ, hay còn gọi là sếu cổ trụi, có tên khoa học là *Grus antigone*, là một loài chim quý hiếm nằm trong Sách đỏ Việt Nam và của thế giới (Sách đỏ IUCN).

Câu hỏi 64: Cơ sở nuôi đã dùng lưới bắt cua, cá tự nhiên theo dòng nước vào ao xử lý nước cấp để làm thực phẩm. Ngoài ra, còn định kỳ đặt bẫy bắt chuột để làm thức ăn nuôi trăn. Hỏi, việc làm trên của cơ sở nuôi có vi phạm quy định VietGAP không?

Trả lời: Việc làm trên của cơ sở nuôi không vi phạm luật pháp và quy định VietGAP, vì:

a. Cần phải hiểu đúng quy định của IUCN và quy định của VietGAP là không được gây chết hoặc bắt các loài động vật, thực vật trong sách đỏ (động vật bị đe dọa tuyệt chủng). IUCN và VietGAP không ngăn cấm việc bắt, giết các loài động, thực vật hoang dã.

b. Việc đặt lưới khi lấy nước vào ao xử lý để bắt cá, tôm, cua, còng và định kỳ đặt bẫy bắt chuột vừa hạn chế vật chủ trung gian truyền bệnh cho thủy sản nuôi, vừa tiêu diệt được một loài gây hại có thể lây truyền mầm bệnh từ ao này sang ao khác và gây bệnh cho người, vừa đỡ tốn chi phí mua thức ăn cho người và trăn.

Câu hỏi 65: Do kết quả xét nghiệm bệnh trên tôm chân trắng nuôi là virus gây hội chứng Taura. Cơ sở nuôi đã không thông báo cho cơ quan quản lý thú y hoặc nuôi trồng thủy sản và cán bộ chuyên môn mà tháo cạn nước ra môi trường ngoài. Việc làm trên của cơ sở nuôi là đúng hay sai.

Trả lời: Việc làm trên của cơ sở nuôi là chưa đúng. Cơ sở nuôi phải:

- Thông báo cho cán bộ thú y hoặc cán bộ thủy sản nơi gần nhất để ngăn chặn việc lây lan bệnh dịch khi tôm chân trắng bị bệnh Taura.

- Thông báo cho các hộ nuôi lân cận để cùng phối hợp phòng trị, tránh để bệnh dịch lan rộng.

- Nước ao nuôi bị bệnh phải được xử lý khử trùng, tiêu diệt vật chủ trung gian truyền bệnh trước khi tháo bỏ ra môi trường để hạn chế nguy cơ nhiễm bệnh Taura cho tôm của các hộ nuôi khác và tôm tự nhiên.

Câu hỏi 66: Cơ sở nuôi tôm trên cát có thể khoan giếng lấy nước ngọt để pha loãng độ mặn khi nuôi tôm có được không? Nếu khoan giếng, có phải xin phép cơ quan nào không?

Trả lời: Cơ sở nuôi được khoan giếng lấy nước ngọt để pha loãng độ mặn khi nuôi nhưng phải xin phép cơ quan quản lý tài nguyên môi trường địa phương. Lý do:

- Luật Tài nguyên nước không cấm việc dùng nước ngầm để pha loãng độ mặn trong cơ sở nuôi trồng thủy sản nhưng ở những vùng khan hiếm nước sinh hoạt hoặc thường xuyên bị hạn hán, thiếu nước, cơ sở nuôi phải hạn chế việc khai thác nước ngầm. (*Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước*).

- Bộ Tài nguyên & Môi trường, cơ quan quản lý tài nguyên môi trường địa phương là đơn vị quản lý và có trách nhiệm điều tra, xác định trữ lượng và quy hoạch khai thác hợp lý tài nguyên nước. Khi tiếp nhận đơn xin phép khoan giếng của các hộ nuôi trồng thủy sản và các thành phần kinh tế khác, cơ quan quản lý tài nguyên môi trường sẽ căn cứ vào thông tin về các mạch nước ngầm (ngọt, mặn) có trong lòng đất, về trữ lượng nước và mức độ khai thác không gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái để cấp phép/ hoặc không cấp phép cho khoan giếng.

Chính vì vậy, nếu cơ sở nuôi tự ý khoan giếng lấy nước ngọt ở vùng đất cát – nơi khan hiếm nước ngọt để nuôi tôm thì sẽ bị phạt.

Câu hỏi 67: Các hộ nuôi tôm cách xa biển và liền kề với đất canh tác nông nghiệp phải làm gì để đáp ứng tiêu chuẩn “Cơ sở nuôi không làm nhiễm mặn vùng nước ngọt tự nhiên”?

Trả lời: Các hộ nuôi tôm liền kề với đất canh tác nông nghiệp, cần thực hiện các việc sau đây nhằm tránh nhiễm mặn vào vùng canh tác nông nghiệp và nước ngọt tự nhiên:

- 1.** Nơi nuôi phải trong vùng quy hoạch.
- 2.** Bờ ao, bờ mương cấp và mương thoát phải cao để tránh mưa lũ ngập bờ. Cấu trúc chắc chắn để tránh rò rỉ, thấm lậu nước mặn ra môi trường.
- 3.** Ao chứa bùn thải phải có kết cấu chắc chắn để chống nước mưa làm trôi bùn, gây nhiễm mặn quanh khu vực nuôi.





CHƯƠNG VII.

NỘI DUNG VỀ KINH TẾ XÃ HỘI



Câu hỏi 68: Làm thế nào để đảm bảo an toàn cho người lao động tham gia nuôi trồng thủy sản?

Trả lời: Để đảm bảo an toàn cho người lao động, cơ sở nuôi cần:

- Xác định những nguy cơ có thể ảnh hưởng đến sức khỏe và sự an toàn của người lao động trong quá trình nuôi như hóa chất, thuốc trừ sâu, điều kiện làm việc, sinh hoạt không đảm bảo, lụt, bão, cháy, sét đánh, điện giật...

- Có cảnh báo để người lao động phòng tránh những nguy cơ đó;

- Đưa ra giải pháp nhằm giảm thiểu khả năng xảy ra những nguy cơ nêu trên và xây dựng quy trình giải quyết nếu xảy ra sự cố;

- Trang bị các thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động.

Ví dụ: quy trình giải quyết khi xảy ra tai nạn:

- Bước 1: Sơ cứu, băng bó vết thương, cầm máu.

- Bước 2: Đưa đi bệnh viện bằng ô tô, ghe, xuồng... và thông báo với người nhà của người bị tai nạn... Nếu tai nạn xảy ra trong quá trình làm việc, cơ sở nuôi phải có Biên bản ghi chép về tai nạn theo quy định của Luật Lao động.

Câu hỏi 69: Tôi không thuê lao động bên ngoài thì có phải áp dụng các nội dung về sử dụng lao động và hợp đồng, tiền lương hay không?

Trả lời: Không. Nếu cơ sở nuôi sử dụng lao động trong gia đình thì không phải áp dụng các nội dung kiểm soát về sử dụng lao động và hợp đồng, tiền lương.

Câu hỏi 70: Tôi có thể thuê lao động từ 15 đến 18 tuổi không? Nếu tôi thuê lao động dưới 15 tuổi để làm các việc như cho tôm ăn, trông nhà và giúp nấu ăn có được không?

Trả lời: Cơ sở nuôi được phép sử dụng lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi, tuy nhiên phải đảm bảo công việc không gây hại đến sức khỏe, không ảnh hưởng đến việc học tập (phải tạo điều kiện đi học nếu có nhu cầu) hay làm giảm khả năng tiếp nhận kiến thức của họ. Chủ cơ sở chỉ giao những việc phù hợp với sức khỏe và khả năng của các lao động này.

- Cơ sở nuôi không sử dụng lao động làm thuê dưới 15 tuổi (theo điều khoản 5.1.1 của Quyết định 3824/QĐ-BNN-TCTS).

Câu hỏi 71: Cơ sở nuôi thuê 3 lao động thường xuyên trong 2 năm nay, trả công 2 triệu đồng/người/tháng nhưng không có hợp đồng lao động mà chỉ thỏa thuận miệng. Việc đó có đáp ứng yêu cầu VietGAP không?

Trả lời: Không. Cơ sở đã vi phạm điều khoản 5.3.1 của Quyết định 3824/QĐ-BNN-TCTS về hợp đồng lao động và tiền lương. Để đáp ứng yêu cầu VietGAP, cơ sở này cần thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản với mức lương không thấp hơn mức lương tối thiểu theo quy định của Bộ Luật Lao động và thực hiện các nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động. Đồng thời cơ sở nuôi có nghĩa vụ giải thích cho người lao động hiểu kỹ các điều khoản ghi trong hợp đồng và giao cho họ giữ một bản hợp đồng.

Câu hỏi 72: Cơ sở nuôi A quy định công nhân phải xin phép trước 3 ngày nếu muốn đi ra ngoài uống nước hoặc gặp bạn bè ngoài khu vực nuôi. Việc làm này có đúng không?

Trả lời: Không. Cơ sở nuôi nói trên đã vi phạm quy định của VietGAP về tự do đi lại của người lao động sau khi hết giờ làm.

- Để đáp ứng yêu cầu của VietGAP, cơ sở nuôi cần sửa đổi nội quy và ghi rõ trong Hợp đồng lao động là người lao động được tự do sử dụng thời gian của họ ngoài giờ làm việc mà không chịu sự cấm đoán hay xin phép chủ cơ sở nuôi.

- Trường hợp cơ sở nuôi muốn đảm bảo an ninh khu vực nuôi hoặc lo ngại việc lây truyền mầm bệnh cho cơ sở nuôi với tự do đi lại của công nhân thì cần tăng cường công tác bảo vệ, kiểm tra, kiểm soát ở cổng ra vào và yêu cầu công nhân thay đồ (bảo hộ), khử trùng trước khi vào cơ sở nuôi.

Câu hỏi 73: Khi công nhân xin phép về quê, cơ sở nuôi đã giữ chứng minh thư và tiền lương của người công nhân này và nói rằng sẽ trả khi công nhân quay lại. Việc làm của cơ sở nuôi này có chấp nhận được không?

Trả lời: Không. Việc làm của cơ sở nuôi nói trên đã vi phạm quy định về việc cơ sở nuôi phải trả đủ tiền công, tiền lương bằng tiền mặt hoặc theo phương thức thuận tiện nhất cho người lao động (theo điều khoản 5.3.2 của Quyết định 3824/QĐ-BNN-TCTS). Vì vậy chủ cơ sở không được giữ lại tiền lương, tiền công hay giấy tờ tùy thân để ép người lao động tiếp tục làm việc cho mình.

Câu hỏi 74: Công nhân của cơ sở nuôi A tham gia tổ chức công đoàn ở cơ sở nuôi B, nhưng cơ sở nuôi A đã can thiệp và không cho phép công nhân tham gia tổ chức công đoàn của cơ sở nuôi B. Việc làm trên có đáp ứng yêu cầu của VietGAP không?

Trả lời: Không. Hành động của cơ sở nuôi A đã vi phạm Luật Lao động và Luật Công đoàn (theo điều khoản 5.1.2 của Quyết định 3824/QĐ-BNN-TCTS).

Câu hỏi 75: Đội trưởng sản xuất của một cơ sở nuôi có hành vi chửi rủa, lăng mạ thậm chí đánh người lao động. Cơ sở này có đáp ứng yêu cầu VietGAP không?

Trả lời: Để được chứng nhận VietGAP, chủ cơ sở phải chấn chỉnh ngay hành động nói trên của đội trưởng sản xuất và xây dựng nội quy chống phân biệt đối xử giới tính, tôn giáo, dân tộc. Cấm những hành động đánh, mắng hoặc lăng mạ người lao động. Nội quy phải được treo, dán ở những vị trí dễ nhìn để mọi người cùng đọc và thực hiện.

- Theo điều khoản 5.1.2 của Quyết định 3824/QĐ-BNN-TCTS, cơ sở nuôi phải đối xử bình đẳng với người lao động, không được đánh, mắng hoặc lăng mạ người lao động. Trong trường hợp này, người do chủ cơ sở cử làm đội trưởng đã lăng mạ và đánh người lao động thì chủ cơ sở cũng phải chịu trách nhiệm.

Câu hỏi 76: Cơ sở nuôi A cần lao động làm đêm để thu hoạch hết số cá trong ao trước 5h sáng thì việc làm thêm đó có được VietGAP chấp nhận không?

Trả lời: Có. Trong những trường hợp đặc biệt như thu hoạch cá để đảm bảo kịp giao hàng cho bên mua hoặc phòng chống lũ lụt, bão..., nếu không làm thêm giờ thì có thể gây tổn hại lớn cho doanh nghiệp thì chủ cơ sở nuôi phải thỏa thuận với người lao động hoặc thỏa thuận trong hợp đồng. Cơ sở nuôi phải có bảng chấm công theo dõi số giờ làm việc của từng công nhân và phải trả công tương xứng với số giờ đã làm thêm.

Người lao động làm việc ngoài giờ trên cơ sở thỏa thuận với số giờ không vượt quá mức tối đa và được trả tiền làm thêm giờ theo quy định hiện hành (theo điều khoản 5.1.2 của Quyết định 3824/QĐ-BNN-TCTS).

Câu hỏi 77: Do thiếu tiền mặt, một cơ sở nuôi đã trả lương và tiền công cho người lao động bằng gạo và cá tra. Cơ sở này có được cấp chứng nhận VietGAP không?

Trả lời: Không. Cơ sở nuôi không được trả lương, tiền công bằng sản phẩm (như tôm, cá, khoai, lúa...) cũng không trả lương cho người lao động ở vùng sâu, vùng xa, hải đảo...qua tài khoản ATM ngân hàng, qua séc mà ở đó chưa có hệ thống thanh toán phù hợp (theo điều khoản 5.3.2 của Quyết định 3824/QĐ-BNN-TCTS). Điều này phải ghi rõ trong hợp đồng lao động.

Câu hỏi 78: Trường hợp cơ sở nuôi thủy sản mặn, lợi bị vỡ bờ ao chứa bùn thải gây thiệt hại cho các hộ trồng lúa và nuôi tôm xung quanh, qua 2 tháng cơ sở vẫn chưa thực hiện việc đền bù. Vậy muốn đạt chứng nhận VietGAP thì cơ sở nuôi phải làm gì?

Trả lời: Cơ sở nuôi cần làm:

- Tổ chức họp cộng đồng xung quanh (lên danh sách, gửi thư mời, thông báo rõ chương trình họp, địa điểm, thời gian, mục đích họp), mời đại diện các hộ (trồng lúa, nuôi tôm) bị thiệt hại, đại diện chính quyền địa phương và công đoàn. Nội dung cuộc họp xác định mức độ thiệt hại gây ra đối với từng hộ, thỏa thuận về phương án đền bù và mức đền bù cụ thể đối với từng hộ.

- Lập biên bản họp với chữ ký xác nhận của các bên tham gia (những hộ bị thiệt hại, chính quyền, tổ chức đoàn thể, cơ sở nuôi ...).



Biên tập và sửa bản in
KHANG NGUYỄN

Trình bày, bìa
CÔNG TY IN NHẬT QUANG

In tại Công ty TNHH in TM&XD NHẬT QUANG. Đăng ký KHXB số 17-2014/CXB/48-619/TDTT ngày 24/10/2014. Quyết định xuất bản số 760/QĐ-XBTDTT In xong và nộp lưu chiểu quý IV/2014.